

- Đây là hướng dẫn cách điền đơn đăng ký. Đơn đăng ký chỉ có bản tiếng Nhật. Vui lòng **điền đơn đăng ký bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh.**
- Vui lòng nộp đơn đăng ký **trước (thứ Ba) ngày 30 tháng 4 năm 2024.** Trường hợp không nộp trước thời hạn sẽ bị coi là đã từ chối nhận chi trả tiền hỗ trợ này.

[Mặt trước đơn đăng ký]

The image shows the front page of a Japanese application form titled '令和5年度福岡市物価高騰緊急支援給付金申請書' (Application for Emergency Support Payment for High Cost of Living in Fukuoka City, FY2023). The form is from the Fukuoka City government. It includes sections for:

- Applicant information (Section 1): Name, date of birth, and current residence.
- Household status (Section 2): Information about the household head and other members, including their birth dates and residence districts.
- Eligibility conditions (Section 3): Details about the support payment for dependent children, including the amount (50,000 yen per child) and the age requirement (born after April 2, 2005).

 The form has checkboxes for various conditions and a section for the applicant's signature and stamp.

Vui lòng tích vào một trong các điều kiện phù hợp. Cần phải thỏa mãn tất cả các điều kiện chi trả (5 mục). Nếu không thỏa mãn các điều kiện thì sẽ không được nhận.

<Điều kiện chi trả ①> Hộ gia đình không phải chịu thuế cư trú

- Là chủ hộ của hộ gia đình có đăng ký cư trú tại thành phố Fukuoka tại thời điểm ngày 1 tháng 12 năm 2023
- **Tất cả các thành viên trong hộ đều được miễn thuế cư trú chia bình quân của năm tài chính 2023**
- Trong hộ không có người dù có thu nhập phải chịu thuế cư trú nhưng chưa khai báo
- Không phải là hộ gia đình chỉ bao gồm những người đang được phụng dưỡng bởi người thân đang đóng thuế cư trú.
- Không phải là hộ gia đình đã nhận tiền hỗ trợ theo cùng chế độ ở thành phố, quận, thị trấn, làng xã khác

<Điều kiện chi trả ②> Hộ gia đình chỉ phải chịu thuế cư trú chia bình quân

- Là chủ hộ của hộ gia đình có đăng ký cư trú tại thành phố Fukuoka tại thời điểm ngày 1 tháng 12 năm 2023
- **Tất cả các thành viên trong hộ đều không bị tính thuế cư trú theo thu nhập của năm tài chính 2023, và trong hộ có ít nhất một người chỉ phải chịu thuế cư trú chia bình quân**
- Trong hộ không có người dù có thu nhập phải chịu thuế cư trú nhưng chưa khai báo
- Không phải là hộ gia đình chỉ bao gồm những người đang được phụng dưỡng bởi người thân đang đóng thuế cư trú.
- Không phải là hộ gia đình đã nhận tiền hỗ trợ theo cùng chế độ ở thành phố, quận, thị trấn, làng xã khác

1. Người làm đơn (Chủ hộ)

Vui lòng điền họ và tên, ngày tháng năm sinh (có thể ghi theo Tây lịch), địa chỉ, số điện thoại có thể liên lạc được vào ban ngày của chủ hộ như trong phiếu cư trú.

2. Tình trạng hộ gia đình của người làm đơn

<Điều kiện chi trả ③> Trường hợp thuộc diện dưới đây thì có thể được nhận trợ cấp bổ sung cho trẻ em (50.000 yên cho mỗi trẻ thuộc diện được nhận).

- Là chủ hộ của hộ gia đình đáp ứng điều kiện chi trả ① hoặc điều kiện chi trả ②, và đang nuôi con từ 18 tuổi trở xuống (trẻ sinh sau ngày 2 tháng 4 năm 2005)
- Vui lòng điền họ và tên của tất cả các thành viên trong hộ, mối quan hệ với chủ hộ, ngày tháng năm sinh (có thể ghi theo Tây lịch) như trong phiếu cư trú ở thời điểm ngày 1 tháng 12 năm 2023. (Trường hợp có trẻ sinh sau ngày 2 tháng 12 năm 2023, vui lòng điền thêm cả về trẻ đó)
- Con cái phụ thuộc “扶養児童”: Tích vào trong trường hợp có trẻ từ 18 tuổi trở xuống đang phụ thuộc
- Phân loại địa chỉ “住所区分”: Tích vào “国内” (trong nước) trong trường hợp có đăng ký cư trú tại Nhật Bản ở thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2023
- Tích vào “海外” (ngoài nước) trong trường hợp không có đăng ký cư trú do đã ở nước ngoài

[Mặt sau đơn đăng ký]

3 振込口座 (別項、①の申請者(世帯主)の口座とします。) ※異新記入出来ない口座を記入しないでください。

金融機関名	支店名	種別	口座番号	口座名義(カタカナ)
1 銀行(普通) 2 銀行(特種) 3 信用金庫 4 信用協同会 5 農協	3 支店(本支店) 4 支店(分庁舎)	普通	※(印字)で書き加えたい	※(印字)で書き加えたい

ゆうちょ銀行 通帳記号 (ゆうちょのみ)

4 代理人が受給・申請する場合 ※申請書記載の代理人と、振込口座の名義が申請者本人の場合は、代理人の欄の記載は不要です。(法定代理人を除く。)

フリガナ	世帯主との関係	代理人生年月日	代理人住所
代理人氏名	※(印字)で書き加えたい	例: 西 1980-03-15	

1 同一世帯 2 法定代理人 3 その他() 年 月 日 郵便番号

上記の者を代理人と認め、給付金の受給・申請を委任します。

【誓約・同意事項】 ※以下の①-⑨の項目の全てを必ず確認してください。

- ① 申請の支給条件を全て満たしています。
- ② 申請に必要な関係書類の提出を行います。
- ③ 世帯中に、租税免除による住民税の免除の適用を受けている者はいません。
- ④ 既に租税免除による給付金の支給を受けた世帯の世帯主ではありません。
- ⑤ 給付金の支給条件を満たしていることを確認するために、申請時に必要な住民基本台帳情報、契機等の公署等の機関が必要資料の提供を受ける行政機関等に定めることと同意し、他の行政機関からの情報の取扱いにも同意することに同意します。
- ⑥ 申請書の記載内容が実情と異なる場合があり、市が定める期限から受理の求めに行われない場合には、市がこの申請を取り下げられたものとみなすことに同意します。
- ⑦ この申請書及び提出された関係書類は、理由に関わらず不適合となった場合においても返却されないと同意します。
- ⑧ 申請書が支給決定した後に、申請書の不備による返戻不能の事由により支払いが完了せず、かつ、令和6年5月31日まで福岡市が申請書に支給決定を行わずに申請書の不備による返戻不能の事由により返戻が完了した場合は、給付金が支給されないと同意します。
- ⑨ 申請書の支給後であっても、申請書の記載事項について虚偽があることが判明した場合や、給付金の支給条件に該当しないことが判明した場合には、給付金を返還します。

提出先 下記の申請書等(住所)を福岡市福祉局(〒815-8501)まで「(住所)宛」提出してください。

- 「令和5年度福岡市福祉局高齢者給付金申請書」(本書)
- 「申請者(世帯主)の本人確認書類の写し」 ※原則として住所・氏名を市が指定した公的機関が発行した書類とします。 ※写真期限があるものについては、期限が過ぎている場合は本人確認書類として認められません。
- 「振込口座を建設できる書類の写し」 ※普通(預)の場合はキャッシュカード等、振込口座の金融機関名・口座番号・口座名義(カタカナ)を記載できる部分の写しを添付してください。(名義の全てが記載されたものに限る)
- 表裏面において、「国内」に印した全ての力: 「令和5年度住民税額決定通知書」
- 表裏面において、「海外」に印した全ての力: 「入国日が分かる書類(パスポート、在留カード等)の写し」
- 子ども追加の申請される場合は「申請者(世帯主)と対象児童の関係性がわかる書類の写し(例) 住民票など
- 代理人が受給・申請する場合は以下の書類を添付してください
- 世帯主の本人確認書類の写し(法人の場合は、法人関係書類の写しと代表者の本人確認書類が必要)
- 世帯主と代理人との関係が証明する書類の写し(例: 同一世帯主の場合は不要)
- ※詳しくは、コールセンター(0120-103-525)へお問い合わせください。

3. Tài khoản chuyển khoản

- Vui lòng điền thông tin tài khoản mong muốn nhận chuyển khoản. (Vui lòng điền vào hàng trên với các tổ chức tài chính không phải là ngân hàng Bưu điện, và hàng dưới là ngân hàng Bưu điện)
- *Về nguyên tắc, vui lòng điền tài khoản với danh nghĩa của chủ hộ.
- *Vui lòng không điền tài khoản mà đã lâu không có giao dịch.
- *Trường hợp mong muốn được chuyển khoản vào tài khoản khác với danh nghĩa của người làm đơn (chủ hộ) thì cần điền vào phần **“4. Trường hợp người đại diện nhận và làm đơn xin”**.

4. Trường hợp người đại diện nhận và làm đơn xin

- Vui lòng điền trong trường hợp người đại diện nhận và làm đơn xin.
- *Giới hạn chỉ với những người có thể làm người đại diện. Có trường hợp mất thời gian để làm thủ tục do phải xác nhận tư cách, v.v. của người đại diện.

[Các mục cam kết và đồng ý]

- Vui lòng cam kết và đồng ý với các điều từ ① ~ ⑨ sau.
- ① Tôi thỏa mãn tất cả các điều kiện chi trả ở mặt trước.
 - ② Tôi sẽ nộp các giấy tờ liên quan cần thiết để đăng ký.
 - ③ Tôi và gia đình tôi không được miễn thuế cư trú theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần.
 - ④ Tôi và gia đình tôi vẫn chưa nhận tiền hỗ trợ theo cùng chế độ.
 - ⑤ Tôi đồng ý với việc Tòa thị chính Fukuoka sẽ điều tra về thông tin cá nhân của tôi để xác nhận nội dung đăng ký này. Ngoài ra, tôi cũng đồng ý về việc Tòa thị chính Fukuoka sẽ trả lời các cuộc điều tra tương tự từ các thành phố, quận, thị trấn, làng xã khác.
 - ⑥ Tôi đồng ý về việc nếu có thiếu sót về nội dung mà tôi đã đăng ký và tôi không chỉnh sửa lại chính xác nội dung đó trước thời hạn mà Tòa thị chính Fukuoka quy định, thì Tòa thị chính Fukuoka sẽ coi là tôi đã xin rút đơn đăng ký này.
 - ⑦ Tôi đồng ý về việc giấy tờ đã nộp sẽ không được hoàn trả.
 - ⑧ Tôi đồng ý về việc nếu sau khi Tòa thị chính Fukuoka đã quyết định chi trả mà vì một lý do nào đó đã không thể chi trả, và không thể liên lạc hay xác nhận được với tôi trước ngày 31 tháng 5 năm 2024 thì tôi sẽ không được nhận tiền hỗ trợ.
 - ⑨ Tôi sẽ hoàn trả tiền hỗ trợ cho Tòa thị chính Fukuoka nếu có điều không đúng sự thật trong nội dung đăng ký này.

Giấy tờ nộp

- Vui lòng nộp các giấy tờ dưới đây **trước (thứ Ba) ngày 30 tháng 4 năm 2024**.
- Đơn đăng ký
 - Bản sao giấy tờ xác nhận nhân thân của người làm đơn
 - *Giấy tờ xác nhận nhân thân phải có ghi họ và tên, ngày tháng năm sinh và địa chỉ.
 - *Ví dụ: Giấy phép lái xe, thẻ my number (chỉ mặt trước), thẻ cư trú, v.v.
 - Bản sao sổ ngân hàng hoặc thẻ ATM
 - Trong phần **“2. Tình trạng hộ gia đình của người làm đơn”** ở mặt trước,
 - Người đã tích vào “国内” (trong nước) => Giấy chứng nhận đánh thuế/miễn thuế cư trú năm tài chính 2023
 - Người đã tích vào “海外” (ngoài nước) => Bản sao giấy tờ để biết được ngày nhập cảnh Ví dụ: Hộ chiếu, thẻ cư trú, v.v.
 - Người đã tích vào “扶養児童” (con cái phụ thuộc) trong phần **“2. Tình trạng hộ gia đình của người làm đơn”** ở mặt trước => Bản sao giấy tờ để biết được mối quan hệ giữa người làm đơn (chủ hộ) với trẻ thuộc diện
 - Trường hợp người đại diện nhận và làm đơn xin
 - ① Bản sao giấy tờ xác nhận nhân thân của người đại diện
 - ② Bản sao giấy tờ chứng nhận mối quan hệ giữa người làm đơn (chủ hộ) và người đại diện

Tổng đài tiền hỗ trợ khẩn cấp của thành phố

Fukuoka
Số điện thoại: 0120-103-525
Thời gian tiếp nhận: Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều (chỉ ngày thường)
Các ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Việt, tiếng Nepal
***Vui lòng liên hệ đến tổng đài nếu có điểm chưa rõ.**